TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-12-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Đình Thi.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Việt Long và bà Nguyễn Thị Hải Yến.
- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị M, sinh ngày 29/01/1997; số căn cước: xxx; địa chỉ: Thôn C, xã P, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh ngày 22/08/1991; số căn cước: xxx; địa chỉ: Thôn C, xã P, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn (chị Vũ Thị M) trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã H2, huyện L, tỉnh Hải Dương (nay là xã P, thành phố Hải Phòng) vào ngày 15/3/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chịu làm ăn, rượu chè, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H không tập trung làm ăn, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Anh H đã đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, chị phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở từ tháng 8/2025 đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, hàn gắn được nên chị đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đức Gia H1, sinh ngày 22/12/2022, hiện cháu đang còn nhỏ và ở cùng với chị nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con và chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn - anh Nguyễn Đức H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng triệu tập anh đến làm việc nhưng anh đều vắng mặt không có lý do.

Theo địa phương cung cấp: Anh Nguyễn Đức H và chị Vũ Thị M kết hôn với nhau vào năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H2, huyện L, tỉnh Hải Dương (nay là xã P, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn anh chị về ăn ở, sinh sống tại gia đình nhà chồng. Chị M đi làm công ty, anh H ở nhà không đi làm gì. Sau khi mẹ anh H chết, anh H hay uống rượu chè, không chịu đi làm, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Khoảng từ tháng 8 năm 2025, Chị M đã về nhà đẻ sống, không sống cùng với anh H. Hiện anh H sống một mình, bố mẹ anh H đã chết, anh có một em gái đã lấy chồng ở xa, anh em thân ruột không có ai. Khi Toà án đến làm việc, anh H ở trong nhà nhưng không làm việc với Toà án. Nay Chị M có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có một con chung là Nguyễn Đức Gia H1, sinh ngày 22/12/2022, hiện đang ở với Chị M. Anh H không đi làm, không có thu nhập, không có khả năng nuôi con, đề nghị Toà án tiếp tục giao con của anh chị cho Chị M nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị M ly hôn với anh Nguyễn Đức H. Về con chung: Giao con là Nguyễn Đức Gia H1, sinh ngày 22/12/2022 cho Chị M nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của Chị M không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Vũ Thị M khởi kiện ly hôn bị đơn anh Nguyễn Đức H, trú tại Thôn C, xã P, thành phố Hải Phòng, Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập cho các đương

sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã H2, huyện L, tỉnh Hải Dương (nay là xã P, thành phố Hải Phòng) vào ngày 15/3/2021 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, Chị M xác định vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chịu làm ăn, rượu chè, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Anh H đã đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, chị phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở từ tháng 8/2025 đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, hàn gắn được nên đề nghị được ly hôn anh H. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh H đến làm việc, đến hoà giải nhưng anh đều vắng mặt, chứng tỏ anh H không coi trọng việc hoà giải để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc mà vẫn sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không có tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị M, cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh H có một con là Nguyễn Đức Gia H1, sinh ngày 22/12/2022, hiện đang ở cùng với Chị M. Nay, Chị M đề nghị Toà án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con và chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù anh H không có quan điểm về việc nuôi con nhưng hiện cháu Huy chưa đủ 03 tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nên cần giao cháu cho Chị M trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, Toà án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con của anh chị nhưng Chị M không có yêu cầu, anh H không có điều kiện nên cần chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho con của Chị M là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147,

khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Vũ Thị M ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về nuôi con: Giao con là Nguyễn Đức Gia H1, sinh ngày 22/12/2022 cho chị Vũ Thị M trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Đức H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0003925 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; chị Vũ Thị M đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (thông qua Phòng THADS khu vực 11);
- UBND xã P, TP Hải Phòng (nơi đăng ký kết hôn)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vương Đình Thi